

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày : 15/01/2024

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chiu.

Các Thẩm phán: + Bà Lê Thị Thái Lan

+ Bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy An, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024 và ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 08/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1967; Địa chỉ: 406 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Ngô Thị N có: Ông Lê Hồng D và ông Bùi Trọng T - Luật sư Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Ông T Có mặt, ông D vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Ngọc C, sinh năm 1951; Nơi đăng ký thường trú: 41 Trần Văn O, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 406 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Ngô Ngọc A, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.3. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn M, xã Hoà T, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị H và ông Ngô Ngọc A có: Ông Lê Hồng D - Luật sư Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.4. Ông Lê Hồng C, sinh năm 1968. Vắng mặt.

3.5. Ông Lê Hồng A, sinh năm 1971. Vắng mặt.

3.6. Ông Lê Hồng H, sinh năm 1973. Vắng mặt.

3.7. Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1980. Có mặt.

Đồng địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.8. Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố Phước L, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.9. Bà Lê Hồng V, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố Phước M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.10. Ông Lê Hồng T, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: 32/7, Tổ 144 ấp Đông, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.11. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.12. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1956; vắng mặt

3.13. Ông Ngô Ngọc D, sinh năm 1983; vắng mặt

Đồng địa chỉ: Khu phố Hoà D phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hoà;

3.14. Bà Ngô Thị Trùng D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố Phước S, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt

3.15. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1953; Địa chỉ: 404 Nguyễn Văn L, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3.16. Ông Ngô Ngọc H, sinh năm 1985; Địa chỉ: 41 Trần Văn Ở, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Ngọc H có: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. *(Văn bản uỷ quyền ngày 08/12/2022).* Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4.2. Bà Ngô Thị Ái K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4.3. Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Vợ chồng cụ Ngô Đ (chết năm 1980), cụ Võ Thị N (chết năm 1983) có 08 người con, gồm: Ông Ngô Ngọc C, ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X, ông Ngô Xuân B (*chết năm 2018 không có vợ con*), bà Ngô Thị L (*chết năm 2020*) có 08 người con (*gồm Lê Hồng C, Lê Hồng Á, Lê Hồng H, Lê Hồng T, Lê Thị Hồng H, Lê Hồng V, Lê Thị Hồng D, Lê Thị Thu T*), ông Ngô Ngọc T (*còn có tên là Ngô Ngọc T, chết năm 1987 không có vợ con*); không thừa nhận bà Nguyễn Thị Kim C, Ngô Thị Trùng D và Ngô Ngọc D là vợ con ông Ngô Ngọc T. Lúc sinh thời cụ Đ, cụ N tạo lập được nhà, đất tọa lạc tại khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi cha mẹ qua đời, anh chị em có gia đình đều ra ở riêng, chỉ có ông Ngô Xuân B và vợ con ông C (*do ông C bỏ đi Sài Gòn ở hơn 40 năm nay, không có ở địa phương*) cư trú tại nhà đất trên. Năm 2002, bà Phạm Thị C (*vợ ông C*) không biết bỏ ra bao nhiêu tiền để cải tạo, sửa chữa và phân nhà đất của cha mẹ làm 02

lô có địa chỉ 404 và 406 Nguyễn Văn L như hiện nay. Ông Ngô Xuân B ở nhà đất 406 còn vợ con ông C ở nhà đất 404. Cụ Đ, cụ N chết không để lại di chúc. Tài sản chưa được chia nhưng ông B và bà Ngô Thị Ái K (*con dâu ông C và bà C*) tự ý làm giấy tờ thuộc quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của mình. Năm 2014, ông B thế chấp giấy tờ nhà đất 406 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển - chi nhánh P để vay tiền. Năm 2017, ông C biết được nên tự bỏ tiền ra trả nợ thay cho ông B để lấy lại giấy tờ nhà đất 406, đồng thời khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông B và bà K. Cha mẹ bà N không có thực đất cho người khác nên không có sự việc bà C bỏ tiền ra để chuộc lại. Từ khi ông B chết, mẹ con bà N vẫn cư trú nhà đất 406. Đến tháng 7 năm 2021, ông C về dành lại nhà và đuổi mẹ con bà N không cho ở nữa. Mặc dù, tài sản của cụ Đ, cụ N để lại gồm nhà đất 404 và 406 Nguyễn Văn L nhưng nguyên đơn bà N chỉ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất 406 theo quy định pháp luật. Bà N không yêu cầu tính công sức đóng góp, tôn tạo, quản lý di sản nhà đất 406. Bà N hiện không có chỗ ở nên xin nhận hiện vật toàn bộ nhà đất 406 và trả lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Tuy nhiên, Hội đồng định giá tài sản thành phố T đã xác định giá trị nhà đất 406 Nguyễn Văn L là hơi thấp và để đảm bảo quyền lợi cho các đồng thừa kế khác khi được trả lại giá trị kỷ phần thừa kế nên bà N đề xuất, thống nhất cả giá trị nhà, đất 1.800.000.000đ. Trong đó giá trị nhà 98.935.360đ, đất có giá trị 1.701.064.640đ.

Đối với các tài liệu ông C cung cấp gồm: Giấy đồng ưng thuận ngày 07/4/2015; các giấy uỷ quyền ngày 07/4/2017 của bà Ngô Thị L, ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X thì bà N không đồng ý, vì do ông C yêu cầu các anh chị em bà N ký vào giấy đồng ưng để ông C thuận lợi làm giấy tờ xây dựng nhà từ đường cúng giỗ ông bà cha mẹ, nên các anh chị em bà N họp gia đình và thống nhất uỷ quyền cho ông C liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với 02 nhà đất 404, 406 Nguyễn Văn L. Do đó, bà N không chấp nhận việc trình bày của ông Ngô Ngọc H và ông C cho rằng ông C đã mua lại nhà đất 406 từ Ngân hàng bán hoá giá nên các anh chị em mới lập giấy đồng ưng thống nhất giao cho ông quyền sở hữu, sử dụng nhà đất 406.

Bị đơn ông Ngô Ngọc C trình bày: Ông C thống nhất về phần cha mẹ, các anh chị em và di sản cha mẹ để lại như lời trình bày của bà Ngô Thị N. Ông T chết năm 1987, gia đình chưa cưới vợ cho ông T nên không thừa nhận bà Nguyễn Thị Kim C, bà Ngô Thị Trùng D và ông Ngô Ngọc D là vợ con ông T. Cha mẹ (cụ Ngô Đ, cụ Võ Thị N) chết không để lại di chúc. Nhưng ông B, bà K đã tự ý làm giấy tờ quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất thuộc của mình là không đúng. Năm 2014, ông B tự thế chấp giấy tờ nhà đất 406 để vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh P, khi đến hạn ông B không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện ông B và Ngân hàng bán hoá giá nhà đất 406 nên ông C đã mua lại nhà đất 406 với giá 60.000.000đ và nhận giấy tờ nhà đất nộp cho Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T. Đồng thời, ông C khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông B và bà K nên ngày 07/4/2015, các anh chị em họp mặt, thống nhất giao cho ông C được quyền sở hữu và làm giấy tờ 02 ngôi nhà 404, 406. Thời điểm ký giấy đồng ưng có mặt đầy đủ các anh chị em ngoại trừ ông B (*do ông B bệnh*) nhưng vào năm 2017 ông B có văn bản thể hiện nội dung đồng ý cho ông C sở hữu 02 ngôi nhà trên. Như

vậy, căn cứ vào giấy đồng ưng do các anh chị em ký và ông C bỏ tiền ra mua lại nhà đất 406 từ Ngân hàng thì nhà đất 406 thuộc quyền sở hữu của ông C nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N chia di sản thừa kế nhà đất 406 theo quy định pháp luật. Ông C không yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất 404 vì đó cũng là tài sản của riêng ông C.

Trường hợp Toà án chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà N thì ông yêu cầu tính công sức đóng góp cải tạo, quản lý di sản thừa kế. Hiện nay ông có hộ khẩu thường trú và chỗ ở ổn định tại 41 Trần Văn O, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi B chết, ông quay về nhà đất 406 để quản lý và có đăng ký tạm trú tại 406 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên từ năm 2019; ông đi đi về về 02 nơi. Ông không đồng ý việc bà N tự ý nâng giá trị nhà đất là 1.800.000.000đ, mà đề nghị Toà án căn cứ giá trị nhà đất mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá để giải quyết vụ án.

Cha mẹ ông không có thực đất cho người khác nên không có sự việc bà C bỏ tiền ra để chuộc lại nhà đất từ vợ chồng ông B và bà M như bà C trình bày. Mặc dù ông bỏ địa phương đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh hơn 40 năm và sống ly thân với bà C, nhưng mọi sự việc trong gia đình xảy ra ông đều biết. Hơn nữa, thời điểm đó bà C không có nhiều vàng bỏ ra để chuộc lại nhà đất trên. Tuy nhiên, ông thừa nhận bà C có bỏ tiền ra cải tạo, sửa chữa và phân nhà đất của cha mẹ làm 02 lô, nhưng tiền để sửa chữa nhà do ông gửi về cho bà C. Hơn nữa, do nhà cũ xuống cấp nên năm 2018 ông có cải tạo, sửa chữa lại mới được khang trang như hiện nay.

Đối với ý kiến trình bày của ông Ngô Ngọc H theo đơn trình bày gửi đến Toà án thì ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị H, ông Ngô Ngọc A và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà X, H và ông A - ông Lê Hồng D cùng thống nhất trình bày: Các ông bà thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị N, không đồng ý với trình bày của ông C cho rằng nhà đất 406 thuộc quyền sở hữu của ông và cũng không đồng ý với ý kiến trình bày của ông H. Các ông bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà N về chia di sản thừa kế nhà đất 406 theo quy định pháp luật, đồng ý với giá trị nhà đất mà bà N đề xuất là 1.800.000.000đ, bà N không có chỗ ở nên giao hiện vật cho bà N và bà N có trách nhiệm thôi trả giá trị cho các đồng thừa kế khác; không yêu cầu chia di sản thừa kế nhà đất 404 theo quy định pháp luật, không yêu cầu tính công sức đóng góp quản lý, tôn tạo di sản nhà đất 406.

+ Bà Ngô Thị Trùng D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2022: Bà D là con ruột của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Ngô Ngọc T (tên thường gọi là T). Ông T mất năm 1987, bà đề nghị được nhận giá trị tài sản bằng tiền.

+ Bà Phạm Thị C trình bày tại văn bản ngày 08/11/2022 và tại phiên toà: Trước đây cha mẹ Ngô Đ và Võ Thị N để lại nhà đất thuộc khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên và thế chấp 10 cây vàng y cho bà Trần Thị M và ông Lê Ngọc B. Sau năm 1976, cha mẹ qua đời, bà đã chuộc lại 02 căn nhà trên và đã trả cho ông B, bà M 10 cây vàng y, có giấy xác nhận của ông B, bà M và có 02 người đứng ra làm chứng nội dung ghi như trên là: ông Phạm Minh H và Lê Ngọc S.

Sau khi chuộc lại nhà, vào năm 2002 bà C tự bỏ 10 cây vàng y xây cất mới và phân thành 02 ngôi nhà 404 và 406 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông C bỏ nhà đi hơn 40 năm, không có quan tâm gì đến vợ con nên không có

gửi tiền về cho bà sửa chữa nhà, bà cũng không có nhận tiền từ em trai bà Phạm Văn T (do ông C gửi về nhờ T đưa dùm) để sửa chữa. Sau khi ông C về ở thì có lát gạch, làm gác lửng và sơn sửa nhà. Do ảnh hưởng lũ lụt giấy tờ thực nhà, giấy giao nhận tiền cho vợ chồng ông B, bà M để chuộc lại nhà cũng như chứng từ xây dựng nhà đất nêu trên bị lạc mất và hư hỏng nên bà không có để cung cấp cho Tòa án.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhà đất 406, thì bà C không có yêu cầu công nhận nhà đất 406 thuộc quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của mình. Bà chỉ yêu cầu tính công sức tôn tạo di sản cho bà là 05 cây vàng y khi chia di sản thừa kế nhà đất 406.

+ Ông Ngô Ngọc H trình bày tại văn bản ngày 08/11/2022: Vào ngày 19/10/2012, ông Ngô Xuân B có để lại di chúc toàn bộ căn nhà 406 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho ông được hưởng và thừa kế (có bản di chúc và phòng công chứng xác nhận). Hiện nay ông được biết bà Ngô Thị N khởi kiện và đòi chia tài sản trên. Chính vì vậy ông làm đơn này xin đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết đúng pháp luật quy định và quyền lợi của tôi.

+ Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị L có bà Lê Thị Hồng H, bà Lê Thị Thu T, ông Lê Hồng A, ông Lê Hồng C đều thống nhất trình bày: Các ông bà thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị N, không đồng ý với ý kiến trình bày của ông C cho rằng nhà đất 406 thuộc quyền sở hữu của ông, và cũng không đồng ý với ý kiến trình bày của ông H. Các ông bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà N về chia di sản thừa kế nhà đất 406 theo quy định pháp luật, đồng ý với giá trị nhà đất mà bà N đề xuất là 1.800.000.000đ, bà N không có chỗ ở nên giao hiện vật cho bà N và bà N có trách nhiệm trả chênh lệch bằng giá trị cho các đồng thừa kế khác; không yêu cầu chia di sản thừa kế nhà đất 404 theo quy định pháp luật, không yêu cầu tính công sức đóng góp quản lý, tôn tạo di sản nhà đất 406.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 147, 157, 165, 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 14 khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

Xác định di sản thừa kế của ông Ngô Đ và bà Võ Thị N để lại là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ 62, diện tích 44,4m² (đo đạc năm 2010), địa chỉ: 406 N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất do Công ty TNHH đo đạc T thực hiện ngày 24/5/2022), có giá trị **1.750.532.320đ** (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Ngô Đ và bà Võ Thị N gồm: Ông Ngô Ngọc C, ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị L và ông Ngô Ngọc T.

Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Ngô Ngọc C hưởng 1,5 kỷ phần có giá trị là 350.106.463đ (Ba trăm năm mươi triệu một trăm linh sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Ngô Ngọc A, ông Ngô Ngọc T, bà Ngô

Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X và bà Ngô Thị L mỗi người hưởng một kỷ phần có giá trị 233.404.309đ (*Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh bốn nghìn ba trăm linh chín đồng*).

Phần thừa kế của bà Ngô Thị L giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà L nhận gồm: ông Lê Hồng C, ông Lê Hồng Á, ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng T, bà Lê Thị Hồng H, bà Lê Hồng V, bà Lê Thị Hồng D và bà Lê Thị Thu T.

Phần thừa kế của ông Ngô Ngọc T giao cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T nhận gồm: bà Nguyễn Thị Kim C, bà Ngô Thị Trùng D và ông Ngô Ngọc D.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C về tính công sức tôn tạo di sản. Bà C được tính công sức tôn tạo di sản là 49.467.680đ (*Bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

Giao cho bà Ngô Thị N được quyền sở hữu, sử dụng nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ 62, diện tích 44,4m² (đo đạc năm 2010), địa chỉ: 406 N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (*theo bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất do Công ty TNHH đo đạc T thực hiện ngày 24/5/2022*).

Bà Ngô Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được chia cho ông Ngô Ngọc C số tiền 350.106.463đ (*Ba trăm năm mươi triệu một trăm linh sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*).

Bà Ngô Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được chia cho ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị X số tiền 233.404.309đ (*Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh bốn nghìn ba trăm linh chín đồng*).

Bà Ngô Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được chia cho ông Lê Hồng C, ông Lê Hồng Á, ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng T, bà Lê Thị Hồng H, bà Lê Hồng V, bà Lê Thị Hồng D và bà Lê Thị Thu T số tiền 233.404.309đ (*Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh bốn nghìn ba trăm linh chín đồng*).

Bà Ngô Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được chia cho bà Nguyễn Thị Kim C, bà Ngô Thị Trùng D và ông Ngô Ngọc D số tiền 233.404.309đ (*Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh bốn nghìn ba trăm linh chín đồng*).

Bà Ngô Thị Nga có trách nhiệm thanh toán giá trị công sức tôn tạo di sản cho bà Phạm Thị Công số tiền 49.467.680đ (*Bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

Sau khi bà Ngô Thị N thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì bà N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động sang tên nhà, đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/7//2023, bị đơn ông Ngô Ngọc C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N. Giao lại ngôi nhà 406 N, phường P, thành phố T, thuộc quyền sở hữu của ông C theo sự thống nhất của các anh chị em tại Biên bản họp gia đình ngày 25/4/2017.

Ngày 26/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C đề nghị xem xét ý kiến của đương sự. Cung cấp tài liệu chứng cứ, giấy xác nhận người làm chứng.

Ngày 27/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T trình

bày đơn đề nghị xem xét. Cung cấp tài liệu chứng cứ, giấy chứng tử của bà Ngô Thị L (chết ngày 12/7/2023).

Các ngày 26/7/2023, 11/12/2023, 15/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công M trình bày đơn đề nghị xem xét. Cung cấp tài liệu chứng cứ, thẻ căn cước công dân, bản tự khai, sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Công M là con của bà Ngô Thị Lc, được chính quyền địa phương xác nhận ngày 27/12/2023.

Toàn án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành đối chất giữa các bên đương sự tại Biên bản đối chất ngày 08/01/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Ngô Thị N, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Ngô Ngọc C, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên yêu cầu theo đơn xin xem xét và lời trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa, được tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N. Buộc bà N giao lại ngôi nhà 406 N, phường P, thành phố T, thuộc quyền sở hữu của ông C theo sự thống nhất của các anh chị em tại Biên bản họp gia đình ngày 25/4/2017. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản đối chất ngày 08/01/2024, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự cùng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, thừa nhận về quan hệ huyết thống gia đình cụ Ngô Đ lúc sinh thời có hai đời vợ, thứ nhất cụ Nguyễn Thị R sinh được hai người con là bà Ngô Thị Lc, bà Ngô Thị L. Bà Lc chết năm 1963 có chồng ông Nguyễn Văn Đ (chết) và một người con duy nhất ông Nguyễn Công M. Bà Ngô Thị L chết năm 2023 có chồng ông Trần P và mười người con, gồm các ông bà Trần Kim T, Trần Thị Kim L, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Bé H, Trần Thị Mỹ H, Trần Minh C, Trần Minh T, Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ Tm, Trần Thị Tuấn T. Cụ R chết ngày 11/9/1948. Sau khi cụ R chết khoảng năm 1950, cụ Đ

cưới cụ Võ Thị N và sinh được 08 người con gồm ông Ngô Ngọc C, ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X, bà Ngô Thị L và ông Ngô Ngọc T. Hội đồng xét xử thấy tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm không xác minh, không thu thập tài liệu chứng cứ để xác định những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của các cụ Ngô Đ, cụ Nguyễn Thị R, cụ Võ Thị N gồm những ai để đưa đầy đủ họ vào tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, do các đương sự không khai báo, không yêu cầu trong quá trình tố tụng từ cấp sơ thẩm, chỉ đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm thì họ mới trình bày, yêu cầu giải quyết nên đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[3] Về phân di sản: Hội đồng xét xử thấy tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm cũng không xác minh, không thu thập tài liệu chứng cứ để xác định làm rõ những người để lại di sản đang tranh chấp, có phải là di sản của cụ Đ, cụ N hay của cụ Đ, cụ R hay cả ba người cùng để lại di sản, trong lúc các con của cụ Đ, cụ N, gồm: Ông Ngô Ngọc C, ông Ngô Ngọc A, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị C thống nhất trình bày đối với di sản đang tranh chấp là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ 62, diện tích 44,4m² (đo đạc năm 2010), địa chỉ: 406 N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất do Công ty TNHH đo đạc T thực hiện ngày 24/5/2022), có giá trị 1.750.532.320đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng). Đồng thời, xác định đây là di sản thừa kế của cụ Ngô Đ, cụ Võ Thị N để lại và khẳng định, toàn bộ di sản nhà đất nêu trên không có phần của cụ R, vì đây là tài sản do cụ Đ, cụ N tạo lập vào năm 1959 để lại, không phải của cụ Đ, cụ R. Nên tòa án cấp sơ thẩm không xác định đầy đủ những người để lại di sản và di sản của từng người để lại gồm những gì, giá trị bao nhiêu, ai thuộc diện hàng thừa kế được hưởng là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm không xác minh, không thu thập tài liệu chứng cứ để xác định những người cùng hàng thừa kế, không xác định đầy đủ những người để lại di sản và di sản của từng người để lại gồm những gì, giá trị bao nhiêu, ai thuộc diện hàng thừa kế được hưởng là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để thụ lý giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự :

Tuyên xử:

1. Hủy án bản án sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, giữa nguyên đơn bà Ngô Thị N với bị đơn ông Ngô Ngọc C. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết lại vụ án theo

thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác được giải quyết lại khi cấp sơ thẩm quyết định. Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo ông Ngô Ngọc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và có đơn xin miễn án phí vì người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP Tuy Hòa(2);
- CCTHADSTP Tuy Hòa;
- P.GĐKT;
- P.TCCB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chịu